

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 710/2025/DS-PT
Ngày 24-11-2025
Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân
Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 489/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 489/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị Kiều O, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp C, xã L, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn:

1. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1970.

2. Bà Nguyễn Thị Mười H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp R, xã L, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964.
Địa chỉ: ấp C, xã L, tỉnh Tây Ninh.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1972.

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Bùi Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2025 và các văn bản trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Kiều O trình bày:

Giữa ông Bùi Văn Đ và H1 kinh doanh Trần Thị Kiều O có xác lập quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản nhiều năm với nhau. Tính đến ngày 11/8/2023 chót nợ lại là 636.478.000 đồng. Do đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ không thực hiện nên bà O khởi kiện yêu cầu ông Đ và vợ là bà Nguyễn Thị Mười H trả số tiền trên. Chứng cứ bà O cung cấp là sổ bán hàng có nội dung chính: vào ngày 11/02/2020, ông Đ và vợ ký tên xác nhận, ông Đ ghi xác nhận nội dung là “*Tính đến ngày 11/02/2020. Em nợ chị tổng cộng 304.525.000 (ba trăm lẻ bốn triệu, năm trăm hai lăm ngàn) đồng*”; ngày 23/8/2021, ông Đ ký tên xác nhận nội dung là “*Tôi đồng ý số nợ trên Bốn trăm tám mươi chín triệu năm trăm ba mươi ngàn nợ thức ăn tôm*”. Sau đó bà O tiếp tục bán cho ông Đ và bà H, tính đến ngày 11/8/2023, vợ chồng ông Đ và bà H nợ tổng cộng là 636.478.000 đồng. Theo thông lệ, khi mua bán hai bên chỉ lập 02 cuốn sổ có nội dung giống nhau và 02 bên sẽ ký xác nhận với nhau chứ không có xuất hóa đơn bán hàng có ký nhận của bên mua. Bà O yêu cầu ông Đ phải xuất trình cuốn sổ mà ông Đ đang giữ để đối chiếu. Bà O khởi kiện yêu cầu ông Đ liên đới cùng bà Mười H thanh toán số tiền còn nợ là 636.478.000 đồng.

Trong biên bản hòa giải ngày 28/4/2025, bị đơn ông Bùi Văn Đ trình bày:

Ông Bùi Văn Đ thừa nhận có xác nhận quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản nhiều năm với H1 kinh doanh Trần Thị Kiều O. Tuy nhiên, số tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà O khởi kiện là 636.478.000 đồng là không đúng. Vì ông Đ đã trả bớt cho bà O. Nhưng số tiền cụ thể còn bao nhiêu thì ông Đ cũng không nhớ. Mặt khác, ông Đ yêu cầu bà O phải xuất trình Hóa đơn mỗi lần bán hàng cho ông Bùi Văn Đ và có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn Đ. Chứng cứ bà O cung cấp là sổ bán hàng, trong đó có nội dung chính: Vào ngày 11/02/2020, ông Đ và vợ ký tên và ghi họ tên xác nhận, ông Đ ghi xác nhận nội dung là “*Tính đến ngày 11/02/2020. Em nợ chị tổng cộng 304.525.000 (ba trăm lẻ bốn triệu, năm trăm hai lăm ngàn) đồng*”; ngày 23/8/2021, ông Đ ký tên và ghi họ tên xác nhận nội dung là “*Tôi đồng ý số nợ trên Bốn trăm tám mươi chín triệu năm trăm ba mươi ngàn nợ thức ăn tôm*”. Tuy nhiên, 02 lần này là do bà O ép buộc ông ký chứ không đúng số nợ như vậy. Còn lần cuối chót nợ là ngày 11/8/2023, lần này ông Đ không thừa nhận có mua bán và không có nợ. Việc mua bán diễn ra đã lâu nên ông không nhớ có lập sổ hay không và ông không còn lưu giữ gì hết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Bùi Văn Đ trình bày: Giai đoạn sau ngày 23/8/2021, ông Đ xác nhận có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Trần Thị Kiều O. Tuy nhiên, mua lần nào thì đã trả tiền xong lần đó nhưng ông Đ không có yêu cầu bà O làm giấy đã nhận tiền nên ông Đ không có giữ giấy tờ gì hết. Ông Đ thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Trần Thị Kiều O nhưng không đến số tiền như bà O trình bày. Vợ chồng ông sẽ đồng ý trả nợ cho bà O nhưng trả dần dần.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2025 và tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông T1 và bà Trần Thị Kiều O, ông Nguyễn Văn L, ông Bùi Văn Đ (tên gọi khác là Bảy H2), bà Nguyễn Thị Mười H không có quan hệ bà con thân thích với nhau. Ông T1 biết ông Đ, bà H (là hai vợ chồng) là do ở cùng xã và làm cùng nghề nuôi tôm. Ông T1 biết bà O, ông L (là hai vợ chồng) là do ở cùng xã và có quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm với nhau (bà O là người bán, ông T1 là người mua). Ông T1 xác nhận là trong quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm thì giữa người bán và người mua đều làm thành 02 cuốn sổ, mỗi bên giữ 01 cuốn sổ để đối chiếu với nhau về việc mua bán. Ông T1 khẳng định thời gian từ năm 2020 đến năm 2023 (âm lịch) thì ông biết được hộ ông Bùi Văn Đ (tên gọi khác là Bảy H2) có mua thức ăn nuôi tôm của bà Trần Thị Kiều O. Tuy nhiên, việc mua bán bao nhiêu, thanh toán tiền với nhau như thế nào thì ông không biết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2025 và tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ông T và bà Trần Thị Kiều O, ông Nguyễn Văn L, ông Bùi Văn Đ (tên gọi khác là Bảy H2), bà Nguyễn Thị Mười H không có quan hệ bà con thân thích với nhau. Ông T biết ông Đ, bà H (là hai vợ chồng) là do ở cùng xã và làm cùng nghề nuôi tôm. Ông T biết bà O, ông L (là hai vợ chồng) là do ở cùng xã và có quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm với nhau (bà O là người bán, ông T là người mua). Ông T xác nhận là trong quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm thì giữa người bán và người mua đều làm thành 02 cuốn sổ, mỗi bên giữ 01 cuốn sổ để đối chiếu với nhau về việc mua bán. Ông T khẳng định thời gian từ năm 2020 đến năm 2023 (âm lịch) thì ông biết được hộ ông Bùi Văn Đ (tên gọi khác là Bảy H2) có mua thức ăn nuôi tôm của bà Trần Thị Kiều O. Lý do là nhà ông T và nhà ông Đ ở trên cùng một tuyến đường nên khi mua thức ăn nuôi tôm thì xe của bà Trần Thị Kiều O sẽ chở hàng đi giao cho ông T và ông Đ. Trong những lần giao hàng thì do nhà của ông T gần hơn nên sẽ giao cho nhà ông T trước rồi đến giao cho nhà ông Đ. Tuy nhiên, việc mua bán bao nhiêu, thanh toán tiền với nhau như thế nào thì ông T không biết.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 440, Điều 288, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kiều O đối với bị đơn ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mười H về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mười H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Trần Thị Kiều O số tiền là 636.478.000 (sáu trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi tám ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mười H liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 29.459.000 đồng. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kiều O số tiền tạm ứng án phí là 14.729.000 đồng tại biên lai số 0018419 ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Tây Ninh).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/7/2025 bị đơn ông Bùi Văn Đ làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm buộc ông và vợ là bà Nguyễn Thị Mười H liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Kiều O số tiền 636.478.000 đồng, ông Đ chỉ đồng ý cùng bà Nguyễn Thị Mười H trả cho bà Trần Thị Kiều O số tiền 489.530.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, nguyên đơn bà Trần Thị Kiều O không rút đơn khởi kiện, trình bày cho rằng, khi ông Đ mua thức ăn chăn nuôi, bà O có ghi trong 2 quyển sổ mỗi bên giữ 1 quyển sổ với nội dung ghi giống nhau, số tiền chốt nợ được thể hiện trong cả 02 quyển sổ ghi, tuy nhiên khi chốt số nợ 489.533.000 đồng thì ông Đ có ký tên xác nhận, nhưng sau đó ông Đ mua tiếp thức ăn chăn nuôi, bà O ghi các lần mua bán, các lần thanh toán tiền, chốt số nợ 636.478.000 đồng thì ông Đ không đồng ý ký tên. Đề tạo điều kiện cho ông Đ thanh toán nợ bà O đồng ý giảm số tiền nợ còn lại là 600.000.000 đồng nhưng không đồng ý cho ông Đ và bà Mười H trả dần.

Bị đơn ông Bùi Văn Đ không rút đơn kháng cáo, xuất trình sổ ghi quá trình mua bán bằng quyển vở học sinh, trình bày cho rằng, sổ bị thất lạc mới tìm thấy, trong đó chỉ ghi số nợ còn lại là 489.530.000 đồng nên chỉ đồng ý thanh toán số tiền này. Ông Đ thừa nhận rằng, sau khi chốt số nợ 489.530.000 đồng thì ông Đ cũng tiếp tục mua thức ăn chăn nuôi, nhưng không ghi vào quyển sổ của ông Đ, chỉ có bà O ghi và ông Đ cũng không biết số nợ là bao nhiêu, ông Đ không ký tên vào sổ của bà O, ông Đ có thanh toán thêm 100.000.000 đồng, và không biết cụ thể số tiền nợ, theo ông Đ thì ông Đ chỉ nợ tiền thức ăn chăn nuôi khoảng 550.000.000 đồng chứ không phải 636.478.000 đồng như bà O trình bày, tuy nhiên ông Đ cũng thống nhất trả số tiền 600.000.000 đồng như yêu cầu của bà O nhưng xin trả dần theo vụ mùa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn Đ trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của ông Bùi Văn Đ thấy rằng:

Giữa Hộ kinh doanh Trần Thị Kiều O và ông Bùi Văn Đ có quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản nhiều năm. Quá trình mua bán, các bên thường chốt nợ theo từng thời điểm, lập sổ nợ để đối chiếu, mỗi bên giữ một cuốn. Các lần chốt nợ có chữ ký xác nhận của ông Đ và bà H bao gồm:

Ngày 11/02/2020, số nợ 304.525.000 đồng; ngày 23/8/2021, số nợ 489.530.000 đồng, những lần này được ghi trong sổ do bà O cung cấp có sự xác nhận của bị đơn.

Đối với lần chốt nợ cuối cùng ngày 11/8/2023 với số tiền 636.478.000 đồng, tại cấp sơ thẩm ông Đ và bà H không thừa nhận số nợ này và phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh có sự xác nhận của bị đơn.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, qua đối chiếu 02 sổ tay theo dõi việc mua bán do ông Đ và bà O cung cấp tại phiên tòa, bà O chứng minh được sau ngày 23/8/2021 (ngày chốt số nợ 489.530.000 đồng) ông Đ có tiếp tục mua thức ăn tôm và còn nợ tổng cộng nợ cũ và mới là 636.478.000 đồng; đồng thời tại phiên tòa ngày 24/11/2025 bà O chỉ yêu cầu ông Đ và bà Mười H trả 600.000.000 đồng, ông Đ cũng đồng ý trả cho bà O 600.000.000 đồng nhưng xin cho trả dần theo vụ tôm. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật nên cần được ghi nhận. Riêng về yêu cầu trả dần của ông Đ không được bà O đồng ý và pháp luật cũng không quy định về việc này nên yêu cầu này của ông Đ không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn Đ; sửa một phần bản án sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn Đ được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: bị đơn bà Nguyễn Thị Mười H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H và ông L.

[3] Về nội dung vụ án: bà Trần Thị Kiều O khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mười H liên đới trả tiền nợ mua thức ăn và thuốc nuôi thủy sản là 636.478.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kiều O nên ông Bùi Văn Đ kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Bùi Văn Đ chỉ đồng ý cùng bà Nguyễn Thị Mười H trả cho bà Trần Thị Kiều O tiền nợ mua thức ăn và thuốc nuôi thủy sản là 489.530.000 đồng thấy rằng:

[4.1] Giữa ông Bùi Văn Đ và bà Trần Thị Kiều O đã xác lập giao dịch hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi thủy sản, khi mua bán hai bên lập hai quyển sổ ghi nợ trong 02 quyển tập học sinh, mỗi bên giữ 1 bản có ghi cùng nội dung về việc ông Đ mua hàng, thanh toán tiền và chốt nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ cung

cấp 01 quyển tập được bà O xác nhận chính là quyển tập do bà O lập khi ông Đ mua hàng và xác nhận chữ viết trong cuốn tập là của chính bà viết. Xét thấy, cuốn tập ông Đ cung cấp có 84 trang (bao gồm cả trang bìa) được ghi từ trang số 03 nội dung ông Đ nợ tiền thức ăn nuôi tôm tính đến ngày 11/02/2020 số tiền 304.525.000đồng, nội dung này giống với nội dung trong cuốn tập do bà O cung cấp cũng tại trang số 03 và có chữ viết chữ ký xác nhận nợ của ông Đ và bà Nguyễn Thị Mười H, các trang tiếp theo trong cuốn tập ông Đ cung cấp ghi chép việc mua bán liên tục từ ngày 14/02/2020 cho đến ngày 23/8/2021 chốt nợ số tiền 489.533.000đồng. Ông Đ cho rằng ông chỉ nợ tiền mua hàng của bà O đến ngày 23/8/2021 số tiền 489.533.000đồng như trong cuốn tập đã ghi chép mà ông cung cấp cho Tòa án. Bà O và ông Đ đều trình bày thống nhất, sau khi chốt nợ ngày 23/8/2021 thì ông Đ có tiếp tục mua hàng, thực tế việc mua hàng chỉ thể hiện trong sổ của bà O không thể hiện trong sổ tay của ông Đ nên Hội đồng xét xử không thể đối chiếu, tuy nhiên ông Đ và bà O trình bày thống nhất, ông Đ sau đó có thanh toán số tiền 100.000.000đồng, trình bày này phù hợp với sổ tay của bà O, do ông Đ không xuất trình các tài liệu thể hiện việc mua bán sau thời điểm chốt nợ ngày 23/8/2021, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào sổ tay của bà O làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại trang số 69 có ghi số nợ chăn nuôi 636.478.000đồng, kết quả số nợ được tính toán trong các lần mua thức ăn, số tiền này cũng được tính toán lại tại giai đoạn phúc thẩm. Ông Đ không có căn cứ xác định số nợ còn thiếu là bao nhiêu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào sổ nợ của bà O buộc ông Đ và bà Mười H thanh toán số nợ còn thiếu là có căn cứ.

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O trình bày để tạo điều kiện cho ông Đ và bà Mười H thanh toán nợ nên đồng ý chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ, đồng ý giảm số tiền nợ còn lại là 600.000.000đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của bà O chỉ buộc ông Đ và bà Mười H thanh toán cho ông Đ số tiền 600.000.000đồng, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đ là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: ông Đ bà Mười H phải chịu án phí trên số tiền thanh toán cho bà O và không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn Đ.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 430, Điều 440, Điều 288, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kiều O đối với bị đơn ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mười H về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mười H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Trần Thị Kiều O số tiền là 600.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Mười H liên đới chịu 28.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đ 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai số 0003468 ngày 25/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bà Trần Thị Kiều O không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà O 14.729.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018419 ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Tây Ninh).

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND KV 6 – TN;
- THADS tỉnh TN;
- Phòng THADS KV 6 - TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga